

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN KIM LONG**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

MỤC LỤC

	TRANG
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5
3. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng Cân đối kế toán	6 - 8
- Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 20

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp, được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội chứng nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013382 ngày 01/8/2006 và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động theo Quyết định số 18/UBCK-GPHĐKD ngày 06/10/2006, Công ty có chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh được chấp thuận thành lập theo Quyết định số 550/QĐ-UBCK ngày 26/8/2008 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn đầu tư và ngành nghề kinh doanh của Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước lần lượt chuẩn y tại Quyết định số 281/QĐ-UBCK ngày 27/4/2007; Quyết định số 314/QĐ-UBCK ngày 16/5/2007; Quyết định số 93/UBCK-GPĐCCTCK ngày 05/12/2007; Quyết định số 129/QĐ-UBCK ngày 20/5/2008; Quyết định số 188/QĐ-UBCK ngày 11/02/2009; Quyết định số 249/UBCK-GP ngày 14/7/2009; Quyết định số 277/UBCK-GP ngày 09/11/2009; Quyết định số 290/UBCK-GP ngày 24/12/2009; Quyết định số 324/UBCK-GP ngày 25/5/2010.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Hà Hoài Nam	Chủ tịch
- Ông Phạm Tấn Huy Bằng	Ủy viên
- Ông Phạm Vĩnh Thành	Ủy viên
- Ông Trần Văn Trọng	Ủy viên
- Ông Bùi Chiến Phong	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Phạm Tấn Huy Bằng	Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Vĩnh Thành	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Đức Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Ngô Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
- Bà Nguyễn Thuý Linh	Kế toán trưởng

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Trần Văn Trọng	Giám đốc Chi nhánh
- Bà Trương Thị Hồng Hạnh	Phó Giám đốc Chi nhánh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại 22 phố Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội và Chi nhánh tại Phòng 2, lầu 2, tòa nhà Centec Tower, số 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Hoạt động chính

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cho phép.

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc cho rằng không có sự kiện nào phát sinh có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH BDO Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính:

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho Công ty chứng khoán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

9. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày. Và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với Công ty chứng khoán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2011

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM TẤN HUY BĂNG

Tổng giám đốc

Số: 23 /2011/BCKT-BDOHN

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần chứng khoán Kim Long

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 6 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần chứng khoán Kim Long. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được mức độ tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng cuộc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với Công ty chứng khoán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Đại diện cho Công ty TNHH BDO Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hồng Quang
Phó Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: 0576/KTV

Nguyễn Hoàng Hà
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0740/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Phố Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2010	01/01/2010
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.177.083.652.760	2.028.980.876.044
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.768.949.316.108	1.348.210.345.610
Tiền	111	V.1	124.199.316.108	348.310.345.610
Các khoản tương đương tiền	112		1.644.750.000.000	999.900.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.4	261.118.636.010	300.590.365.990
Đầu tư ngắn hạn	121		350.189.850.499	303.183.195.080
Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn (*)	129		(89.071.214.489)	(2.592.829.090)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.10	143.937.668.317	377.849.134.673
Phải thu khách hàng	131		12.947.828.574	7.065.537.503
Trả trước cho người bán	132		173.762.817	2.760.232.817
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		120.933.343.584	132.392.913.537
Các khoản phải thu khác	138		9.882.733.342	235.630.450.816
Hàng tồn kho	140	V.2	694.703.148	1.209.172.656
Công cụ, dụng cụ	143		694.703.148	1.209.172.656
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.383.329.177	1.121.857.115
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.131.139.517	1.073.870.545
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		1.179.889.660	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		72.300.000	47.986.570
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		271.118.816.022	312.748.251.770
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		9.279.578.575	12.979.170.218
Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	5.236.918.931	10.838.111.387
Nguyên giá	222		22.223.605.987	22.083.171.761
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(16.986.687.056)	(11.245.060.374)
Tài sản cố định vô hình	227	V.6	4.042.659.644	2.141.058.831
Nguyên giá	228		6.774.528.000	3.243.958.000
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.731.868.356)	(1.102.899.169)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		254.722.892.000	289.879.900.000
Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	V.4	254.722.892.000	289.879.900.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		7.116.345.447	9.889.181.552
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	163.107.276	4.311.823.352
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.8	2.532.299.921	1.156.419.950
Tài sản dài hạn khác	268		4.420.938.250	4.420.938.250
CỘNG	270		2.448.202.468.782	2.341.729.127.814

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Phố Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2010	01/01/2010
NỢ PHẢI TRẢ	300		133.949.025.449	836.190.252.214
Nợ ngắn hạn	310		132.970.200.180	835.168.244.605
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả người bán	312		33.000.000	959.300.621
Người mua trả tiền trước	313		572.000.000	643.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	926.982.465	545.626.496
Phải trả người lao động	315		814.209.060	-
Chi phí phải trả	316	V.11	1.387.452.246	2.132.590.680
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		119.962.767.747	828.127.968.340
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		-	-
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		9.230.513.262	2.717.201.890
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	V.12	43.275.400	42.556.578
Nợ dài hạn	330		978.825.269	1.022.007.609
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		865.910.769	865.910.769
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.012.500	46.012.500
Doanh thu chưa thực hiện	338	V.12	111.902.000	110.084.340
Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.13	2.314.253.443.333	1.505.538.875.600
Vốn chủ sở hữu	410		2.314.253.443.333	1.505.538.875.600
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	412		2.025.000.000.000	1.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		444.716.419.000	443.188.324.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		5.333.008	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		13.530.413.994	13.070.469.294
Dự trữ theo pháp định			6.765.206.997	6.535.234.647
Dự trữ theo điều lệ công ty chứng khoán			6.765.206.997	6.535.234.647
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(168.998.722.669)	49.280.082.306
CỘNG	440		2.448.202.468.782	2.341.729.127.814

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Phố Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2010	01/01/2010
Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
Ngoại tệ các loại	005		3.721,88	72,11
USD			3.721,88	72,11
Chứng khoán lưu ký	006		3.383.540.480.000	3.073.928.000.000
Chứng khoán giao dịch	007		1.824.261.420.000	1.919.470.560.000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		154.481.400.000	835.310.110.000
Chứng khoán cầm cố	017		1.354.837.340.000	283.953.230.000
Chứng khoán tạm giữ	022		4.166.320.000	-
Chứng khoán chờ thanh toán	028		45.794.000.000	35.194.100.000
Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		8.774.130.000	4.263.130.000
Chứng khoán giao dịch	051		8.427.130.000	4.263.130.000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056		260.000.000	-
Chứng khoán cầm cố	061		-	-
Chứng khoán chờ thanh toán	066		87.000.000	-
Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082		-	-
Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083		117.202.400.000	79.834.000.000

NGƯỜI LẬP



TRẦN THỊ NGỌC ANH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THUỶ LINH

Hà nội, ngày 12 tháng 01 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM TẤN HUY BẰNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Phố Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2010	Năm 2009
1 Doanh thu	01		272.267.495.866	434.812.108.510
Trong đó				
Doanh thu hoạt động mỗi giới chứng khoán	01.1		18.274.032.922	30.425.531.276
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		102.112.468.755	337.202.625.105
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		1.527.530.000	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		1.799.272.727	1.329.954.545
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		858.733.815	-
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		118.295.057	35.858.993
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		3.861.696.758	1.841.304.873
Doanh thu khác	01.9		143.715.465.832	63.976.833.718
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		272.267.495.866	434.812.108.510
4 Chi phí hoạt động kinh doanh	11		430.136.663.508	72.012.501.292
Trong đó: Dự phòng giảm giá chứng khoán			86.478.385.399	2.592.829.090
5 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		(157.869.167.642)	362.799.607.218
6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.819.525.133	10.232.388.764
7 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(172.688.692.775)	352.567.218.454
8 Thu nhập khác	31		-	12.727.273
9 Chi phí khác	32		130.167.500	70.768.667
10 Lợi nhuận khác	40		(130.167.500)	(58.041.394)
11 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(172.818.860.275)	352.509.177.060
12 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	466.796.888
13 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14 Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(172.818.860.275)	352.042.380.172
15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(106,07)	5.088,99

NGƯỜI LẬP


TRẦN THỊ NGỌC ANH

KẾ TOÁN TRƯỞNG


NGUYỄN THUÝ LINH

Hà nội, ngày 12 tháng 01 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

**PHẠM TÂN HUY BẰNG**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Phố Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2010	Năm 2009
1	2	3	4	5
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	1		2.045.109.225.014	2.025.345.441.002
Tiền chi hoạt động kinh doanh	2		(2.513.121.971.134)	(1.571.793.207.116)
Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	5		(1.252.170.992)	(605.367.846)
Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	6		3.656.361.153.318	4.591.753.759.128
Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	7		(3.843.129.077.450)	(4.563.545.173.203)
Tiền thu bán chứng khoán phát hành	8		-	
Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	9		(92.905.260.000)	
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10		(19.131.600.923)	16.382.449.056
Tiền chi trả cho người lao động	11		(19.575.035.626)	(12.839.786.952)
Tiền chi trả lãi vay	12		(3.465.000.021)	(962.435.022)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13		(1.538.584.268)	
Tiền thu khác	14		773.445.543.999	492.183.515.054
Tiền chi khác	15		(673.326.964.457)	(515.055.507.872)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD chứng khoán	20		(692.529.742.540)	460.863.686.229
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(3.671.004.226)	(137.767.749)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		90.411.622.264	3.680.967.386
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		86.740.618.038	3.543.199.637
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1.026.528.095.000	472.662.424.000
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			27.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34			(27.186.800.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.026.528.095.000	472.475.624.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		420.738.970.498	936.882.509.866
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		1.348.210.345.610	411.327.835.744
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70		1.768.949.316.108	1.348.210.345.610

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2011

NGƯỜI LẬP



TRẦN THỊ NGỌC ANH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỦY LINH

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM TẤN HUY BÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long là công ty cổ phần thành lập theo Luật Doanh nghiệp, được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội chứng nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013382 ngày 01 tháng 8 năm 2006 và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động theo Quyết định số 18/UBCK-GPHĐKD ngày 06 tháng 10 năm 2006. Công ty có chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh được chấp thuận thành lập theo Quyết định số 550/QĐ-UBCK ngày 26/8/2008 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn đầu tư và ngành nghề kinh doanh đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước lần lượt chuẩn y tại Quyết định số 281/QĐ-UBCK ngày 27/4/2007; Quyết định số 314/QĐ-UBCK ngày 16/5/2007; Quyết định số 93/UBCK-GPĐCCTCK ngày 05/12/2007; Quyết định số 129/QĐ-UBCK ngày 20/5/2008; Quyết định số 188/QĐ-UBCK ngày 11/02/2009; Quyết định số 249/UBCK-GP ngày 14/7/2009; Quyết định số 277/UBCK-GP ngày 09/11/2009; Quyết định số 290/UBCK-GP ngày 24/12/2009; Quyết định số 324/UBCK-GP ngày 25/5/2010.

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy phép điều chỉnh số 129/UBCK-GP ngày 20/5/2008 là: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán.

Công ty là thành viên của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và là thành viên lưu ký của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, không có hoạt động đáng kể nào làm thay đổi các chức năng hoạt động được cho phép.

Công ty được phép hoạt động trong thời gian 50 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại số 22 phố Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội và Chi nhánh tại Phòng 2, lầu 2, tòa nhà Centec Tower, số 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 119 người. Trong đó số cán bộ quản lý là 26 người.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về hướng dẫn sửa, đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng.

2. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

Khoản chênh lệch giữa tỷ giá sau khi quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Ngân hàng Nhà nước công bố với tỷ giá đang hạch toán trên sổ kế toán được xử lý như sau:

- Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, các khoản công nợ ngắn hạn (nhỏ hơn 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được phản ánh tại mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên Bảng cân đối kế toán, Đầu năm sau, số dư sẽ được hạch toán ngược lại để xóa số dư.
- Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản công nợ dài hạn (trên 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính.

3. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian (năm)
Máy móc, thiết bị	07
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị quản lý	03
Tài sản khác	05
Phần mềm giao dịch	03

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: Ghi nhận theo giá gốc.

Phương pháp xác định giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra: Bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

- Dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết được trích lập cho từng loại chứng khoán tự doanh đã niêm yết có giá khớp lệnh tại thời điểm kết thúc phiên giao dịch ngày 31 tháng 12 năm 2010 thấp hơn so với giá trên sổ kế toán.
- Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết do không thu thập được thông tin đáng tin cậy về giá các loại chứng khoán này tại thời điểm kết thúc năm tài chính và không có quy định cụ thể làm căn cứ pháp lý để trích lập dự phòng đối với các loại chứng khoán này.

5. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chủ yếu là công cụ dụng cụ, giá trị các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 10 triệu đồng) và các chi phí khác. Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm kể từ khi phát sinh.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu của Công ty khi phát hành lần đầu và phát hành bổ sung.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là số lãi (lỗ) lũy kể từ các hoạt động kinh doanh của Công ty đến thời điểm báo cáo.

7. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu trong năm tài chính được ghi nhận đầy đủ theo đúng chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”. Doanh thu của Công ty bao gồm: Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán; Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn; Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán; Doanh thu hoạt động tư vấn; Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản và Doanh thu khác. Phương pháp xác định như sau:

- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư, doanh thu này được xác định vào cuối mỗi ngày;
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn là khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của Công ty (được ghi nhận khi khớp lệnh thành công đối với cổ phiếu niêm yết và chuyển quyền sở hữu cổ phần cho người mua đối với cổ phiếu chưa niêm yết), thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu;
- Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán được xác định khi thực hiện quyết toán với tổ chức phát hành hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Doanh thu hoạt động tư vấn là số phí Công ty được hưởng từ việc tư vấn đầu tư chứng khoán cho nhà đầu tư và tư vấn khác của Công ty đã thực hiện trong năm tài chính;
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản là khoản tiền thu được từ cho thuê nhà của Công ty;
- Doanh thu khác bao gồm: lãi tiền gửi, tiền lãi cho vay vốn, lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

8. Các nghĩa vụ thuế

Theo Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế Giá trị gia tăng và thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán và Thông tư số 72/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 10/8/2006 sửa đổi bổ sung thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính, Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, các nghĩa vụ về thuế của Công ty như sau:

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán không thuộc diện chịu thuế GTGT.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm tiếp theo. Trong thời hạn 10 năm kể từ khi thành lập, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%. Sau thời hạn được áp dụng mức thuế suất ưu đãi nêu trên, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 25%.

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty lỗ nên không phát sinh thuế TNDN phải nộp.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và tương đương tiền**

	31/12/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
- Tiền mặt	32.516.116	24.020.996
- Tiền gửi ngân hàng	9.894.233.938	3.521.360.186
- Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch CK	101.553.261.100	297.913.988.792
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK	12.719.304.954	46.850.975.636
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.644.750.000.000	999.900.000.000
Cộng	1.768.949.316.108	1.348.210.345.610

2 Hàng tồn kho

	31/12/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Công cụ, dụng cụ	694.703.148	1.209.172.656
Cộng	694.703.148	1.209.172.656

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

3 Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Khối lượng CK giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (VND)
Của Công ty chứng khoán	131.622.179	5.651.777.566.970
Cổ phiếu	131.544.705	5.644.003.006.970
Trái phiếu	77.474	7.774.560.000
Của người đầu tư	416.492.540	15.810.535.696.000
Cổ phiếu	391.692.540	13.010.904.596.000
Trái phiếu	24.800.000	2.799.631.100.000
Tổng cộng	548.114.719	21.462.313.262.970

4 Tình hình đầu tư tài chính

Chỉ tiêu	Số lượng CK	Giá trị theo sổ kế toán (VND)	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường (VND)
			Tăng (VND)	Giảm (VND)	
Chứng khoán T. mại	9.792.398	350.189.850.499	3.894.397.690	89.071.214.489	265.013.033.700
Cổ phiếu	9.744.924	345.415.290.499	3.894.397.690	89.071.214.489	260.238.473.700
Trái phiếu	47.474	4.774.560.000	-	-	4.774.560.000
Chứng khoán đầu tư	10.975.500	254.722.892.000	-	-	254.722.892.000
Chứng khoán sẵn sàng để bán	10.945.500	251.722.892.000	-	-	251.722.892.000
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	30.000	3.000.000.000			3.000.000.000
Đầu tư góp vốn	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính khác	-	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

5 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<i>Máy móc thiết bị (VND)</i>	<i>Phương tiện vận tải (VND)</i>	<i>Thiết bị Quản lý (VND)</i>	<i>TSCĐ Khác (VND)</i>	<i>Tổng cộng (VND)</i>
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	1.685.730.744	2.700.947.515	17.157.563.710	538.929.792	22.083.171.761
- Mua trong năm			46.276.096	94.158.130	140.434.226
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	1.685.730.744	2.700.947.515	17.203.839.806	633.087.922	22.223.605.987
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu năm	378.830.307	470.351.891	10.252.459.005	143.419.172	11.245.060.374
- Khấu hao trong năm	238.497.252	226.810.184	5.157.953.806	118.365.440	5.741.626.682
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	617.327.559	697.162.075	15.410.412.810	261.784.612	16.986.687.056
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	1.306.900.437	2.230.595.624	6.905.104.705	395.510.620	10.838.111.387
Tại ngày cuối năm	1.068.403.185	2.003.785.440	1.793.426.996	371.303.310	5.236.918.931

6 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<i>Phần mềm giao dịch (VND)</i>	<i>Phần mềm máy tính (VND)</i>	<i>TSCĐ vô hình khác (VND)</i>	<i>Tổng cộng (VND)</i>
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	3.243.958.000	-	-	3.243.958.000
- Mua trong năm	3.530.570.000	-	-	3.530.570.000
Số dư cuối năm	6.774.528.000	-	-	6.774.528.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư đầu năm	1.102.899.169	-	-	1.102.899.169
- Khấu hao trong năm	1.628.969.187	-	-	1.628.969.187
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2.731.868.356	-	-	2.731.868.356
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	2.141.058.831	-	-	2.141.058.831
Tại ngày cuối năm	4.042.659.644	-	-	4.042.659.644

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

7 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
- Chi phí công cụ dụng cụ	40.923.757	915.794.727
- Chi phí trả trước dài hạn khác	122.183.519	3.396.028.628
Cộng	163.107.276	4.311.823.352

8 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	31/12/2010
	(VND)
- Tiền nộp ban đầu	120.000.000
- Tiền nộp bổ sung hàng năm	2.266.590.773
- Tiền lãi phân bổ hàng năm	145.709.148
Cộng	2.532.299.921

9 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
- Thuế giá trị gia tăng	13.955.701	73.550.508
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	358.694.608
- Thuế thu nhập cá nhân	901.326.764	113.381.380
- Thuế khác	11.700.000	-
Cộng	926.982.465	545.626.496

Các khoản khác biệt về thuế sau khi cơ quan Thuế kiểm tra và kết luận sẽ được Công ty điều chỉnh sổ kế toán một cách tương ứng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

10 Các khoản phải thu

Chỉ tiêu	Số đầu năm (VND)		Số phát sinh trong năm (VND)		Số cuối năm (VND)		Số dự phòng đã lập (VND)
	Tổng số	Số quá hạn	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	
1 Phải thu của khách hàng	7.065.537.503	-	77.718.220.946	71.835.929.875	12.947.828.574	-	-
2 Ứng trước cho người bán	2.760.232.817	-	13.365.733.606	15.952.203.606	173.762.817	-	-
3 Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	132.392.913.537	-	5.128.819.539.042	5.140.279.108.995	120.933.343.584	-	-
- Phải thu của Sở (TTGDCK)	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	422.842.537	-	10.707.436.974	10.829.782.957	300.496.554	-	-
- Phải thu KH về thuế TNCN từ HĐ chuyển nhượng CK	-	-	4.886.877.757	4.862.854.727	24.023.030	-	-
- Phải thu tổ chức phát hành (Bảo lãnh phát hành) CK	21.000.000.000	-	902.025.260.000	900.525.260.000	22.500.000.000	-	-
- Phải thu TT lưu ký CK	110.970.071.000	-	4.211.199.964.311	4.224.061.211.311	98.108.824.000	-	-
- Phải thu thành viên khác	-	-	-	-	-	-	-
4 Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	-	-	-	-
5 Phải thu nội bộ	-	-	-	-	-	-	-
6 Phải thu khác	235.630.450.816	-	1.976.137.336.460	2.201.885.053.934	9.882.733.342	-	-
Tổng cộng	377.849.134.673	-	7.196.040.830.054	7.429.952.296.410	143.937.668.317	-	-

Trong đó:

Số phải thu bằng ngoại tệ (quĩ ra USD): -

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

11 Chi phí phải trả

	31/12/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
- Phí lưu ký và chuyển khoản chứng khoán	210.000.000	58.423.690
- Phí giao dịch chứng khoán	717.326.777	570.179.035
- Lãi phải thanh toán cho nhà đầu tư	311.836.517	1.209.402.695
- Chi phí phải trả khác	148.288.952	294.585.260
Cộng	1.387.452.246	2.132.590.680

12 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
- Kinh phí công đoàn	42.692.800	38.489.500
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	-	-
- Doanh thu chưa thực hiện	111.902.000	110.084.340
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	582.600	4.067.078
Cộng	155.177.400	152.640.918

13 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số đầu năm (VND)	Tăng trong năm (VND)	Giảm trong năm (VND)	Số cuối năm (VND)
1. Vốn đầu tư của CSH	1.000.000.000.000	1.025.000.000.000	-	2.025.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	443.188.324.000	1.528.095.000	-	444.716.419.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	5.333.008	-	5.333.008
7. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	13.070.469.294	459.944.700	-	13.530.413.994
<i>Dự trữ theo pháp định</i>	6.535.234.647	229.972.350	-	6.765.206.997
<i>Dự trữ theo điều lệ C.ty</i>	6.535.234.647	229.972.350	-	6.765.206.997
9. Quỹ khác thuộc vốn CSH	-	-	-	-
10. LNST chưa phân phối	49.280.082.306		218.278.804.975	(168.998.722.669)
Cộng	1.505.538.875.600	1.026.993.372.708	218.278.804.975	2.314.253.443.333

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

	2010 (VND)	2009 (VND)
1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	466.796.888
2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
Cộng	-	466.796.888

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1 Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

	31/12/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
- Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược	865.910.769	865.910.769
- Các khoản khác	-	-
Cộng	865.910.769	865.910.769

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1 Thông tin so sánh**

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH BDO Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

Một số chỉ tiêu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa, đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2011

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





TRẦN THỊ NGỌC ANH

NGUYỄN THUÝ LINH

PHẠM TẤN HUY BÀNG